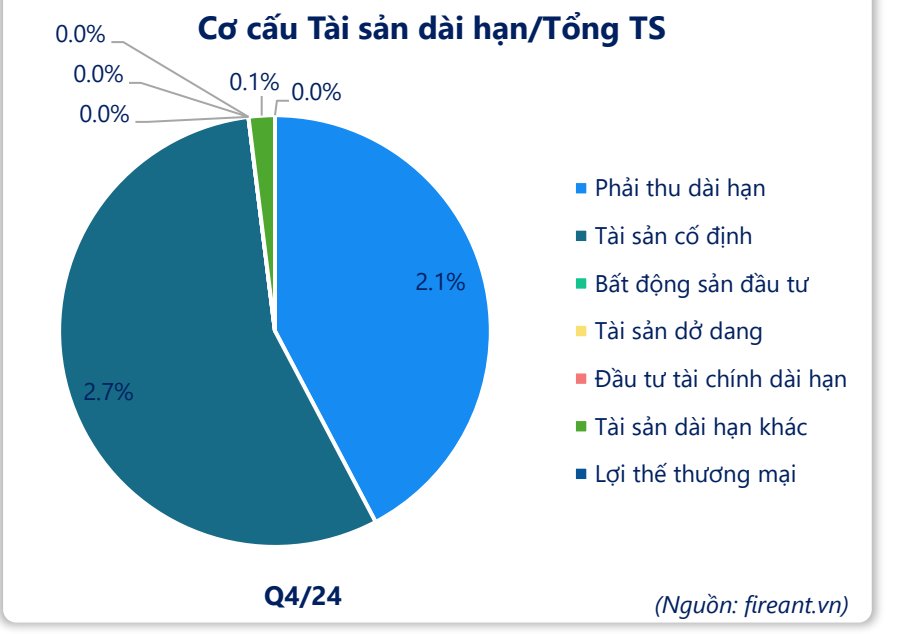
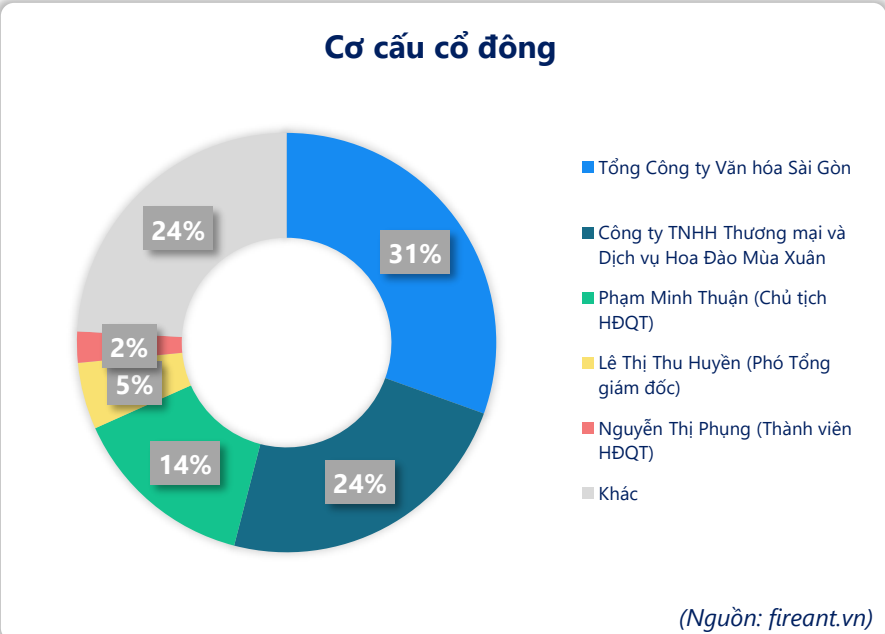
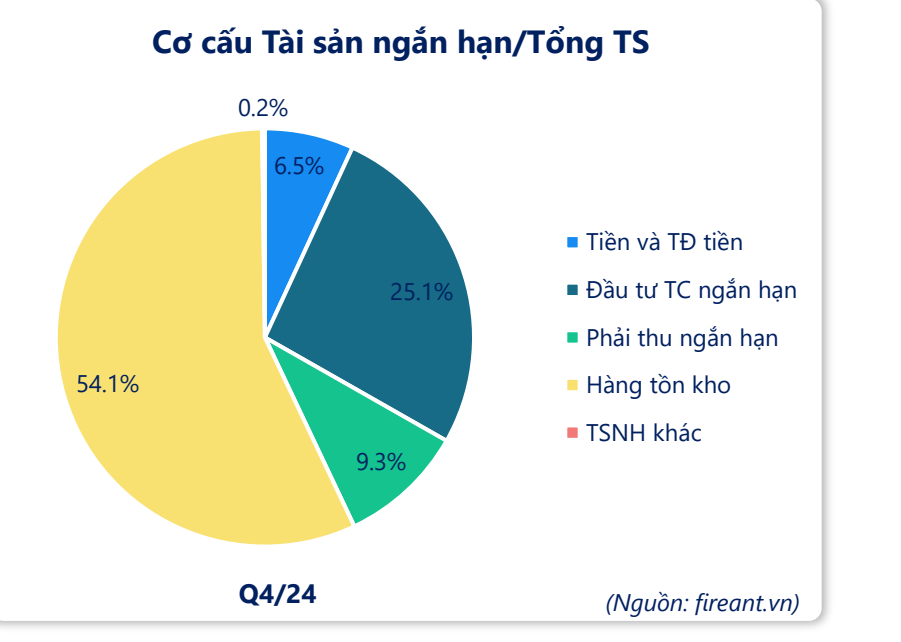
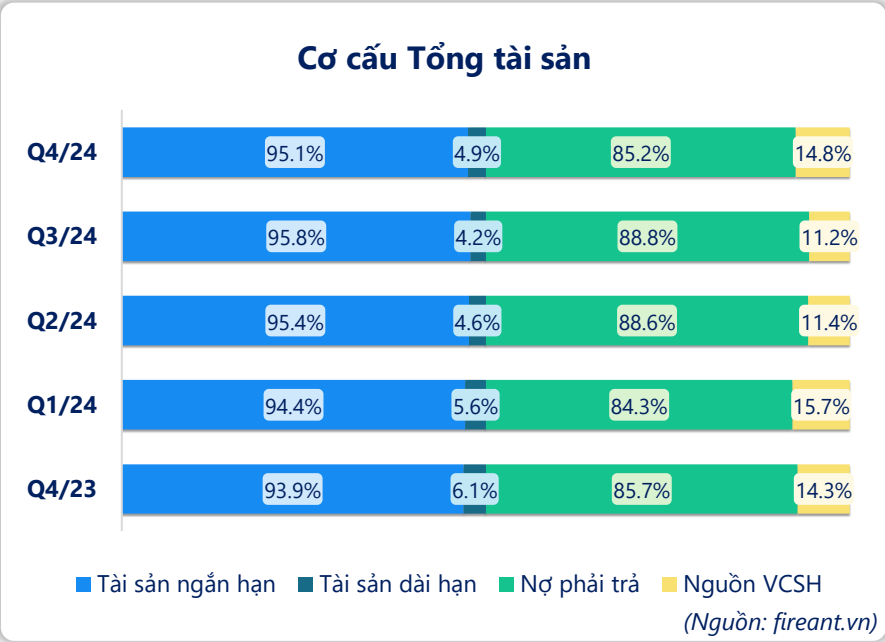
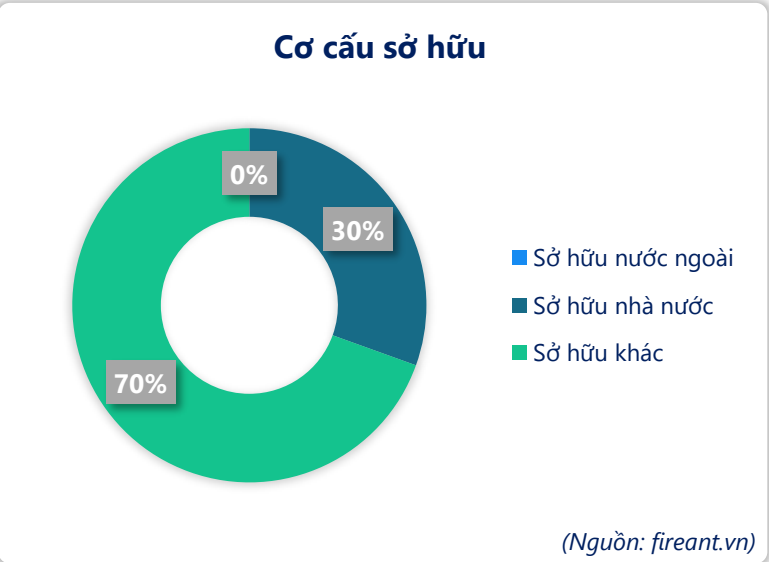
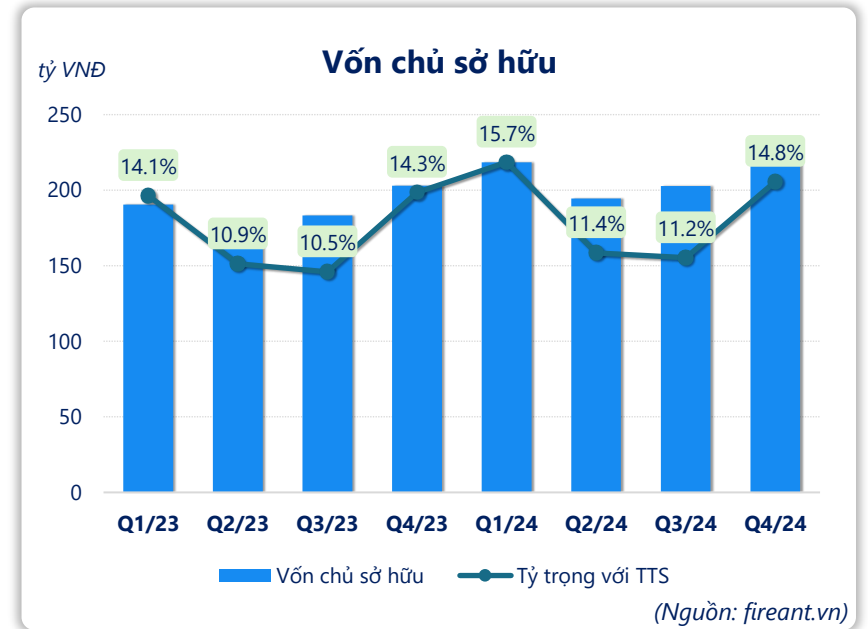
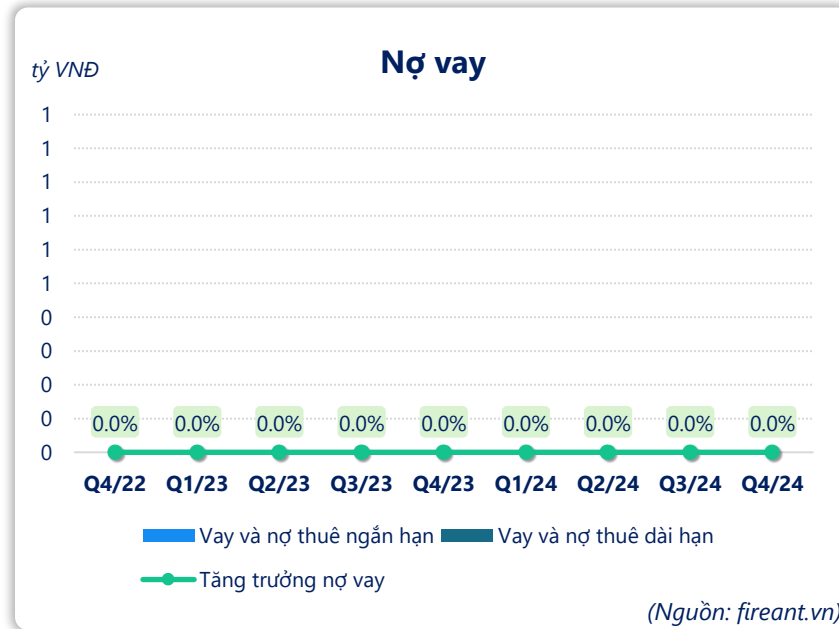
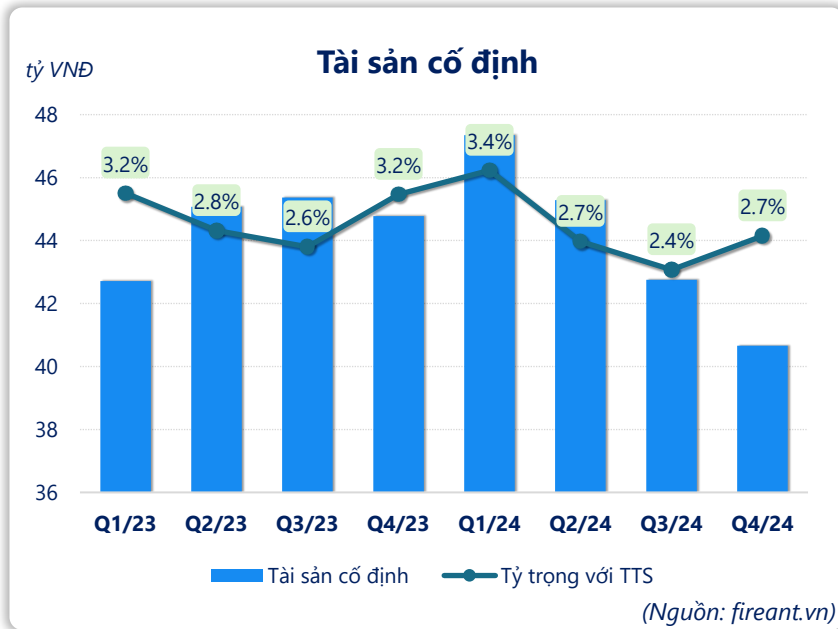
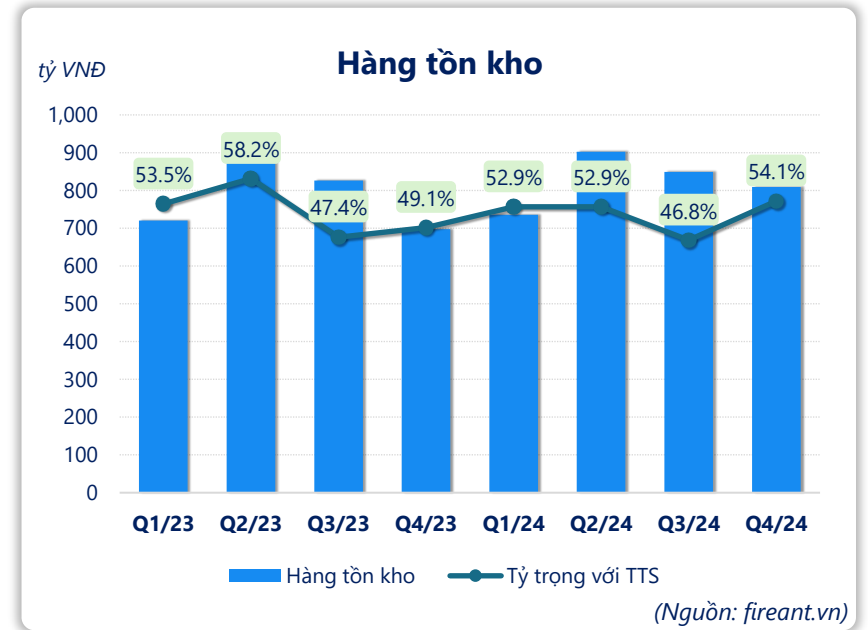
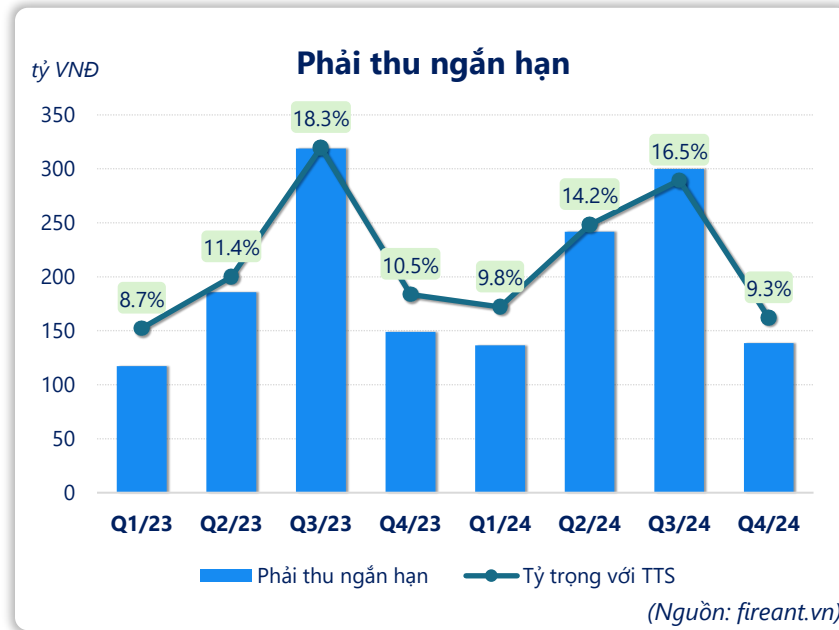
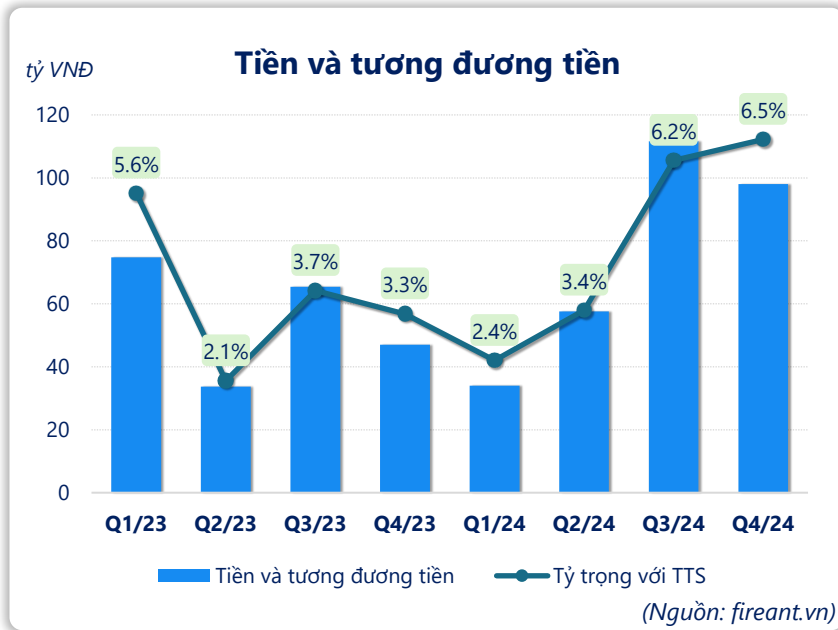
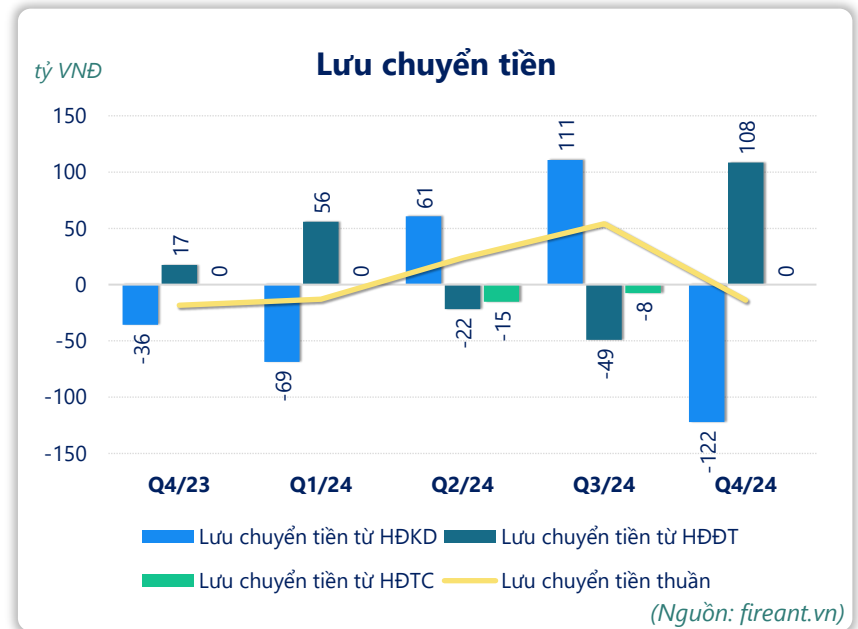
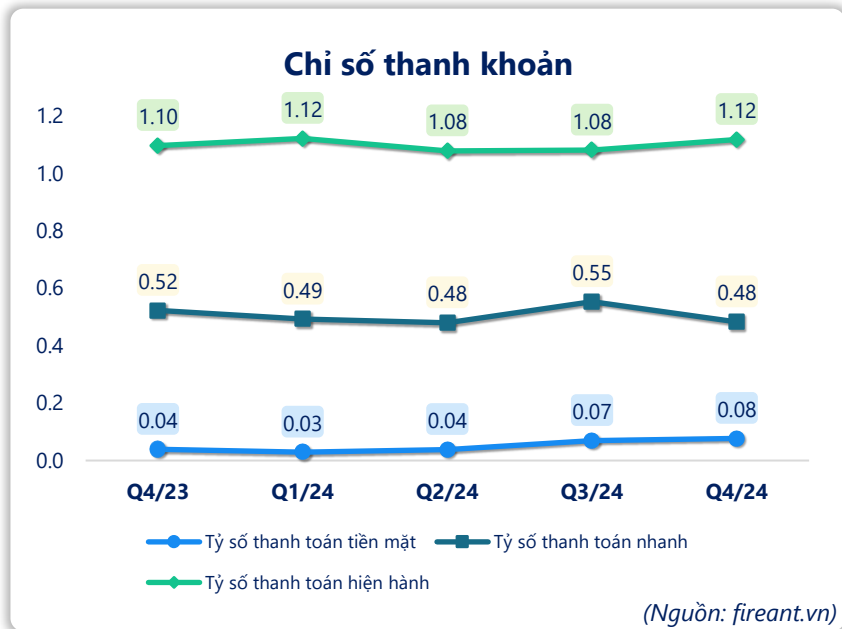
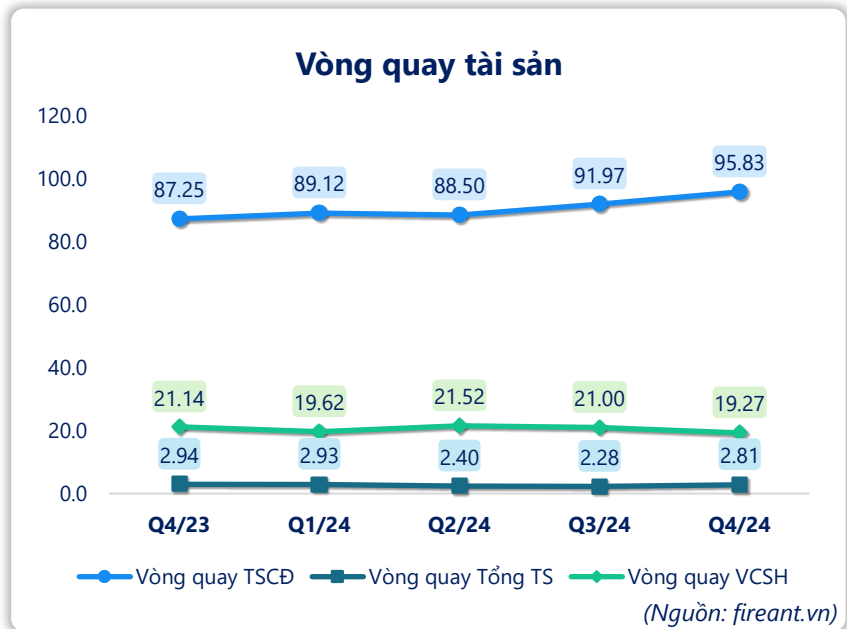
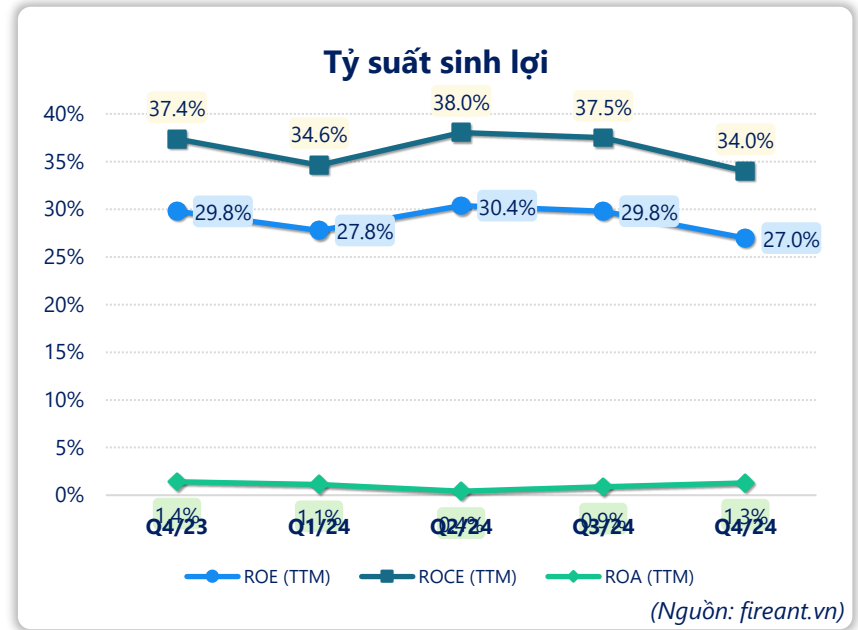
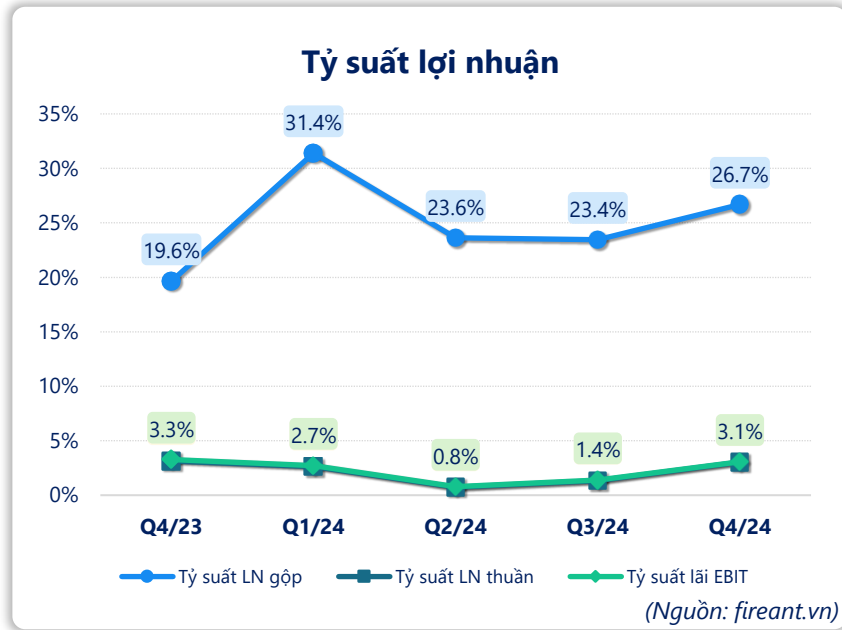
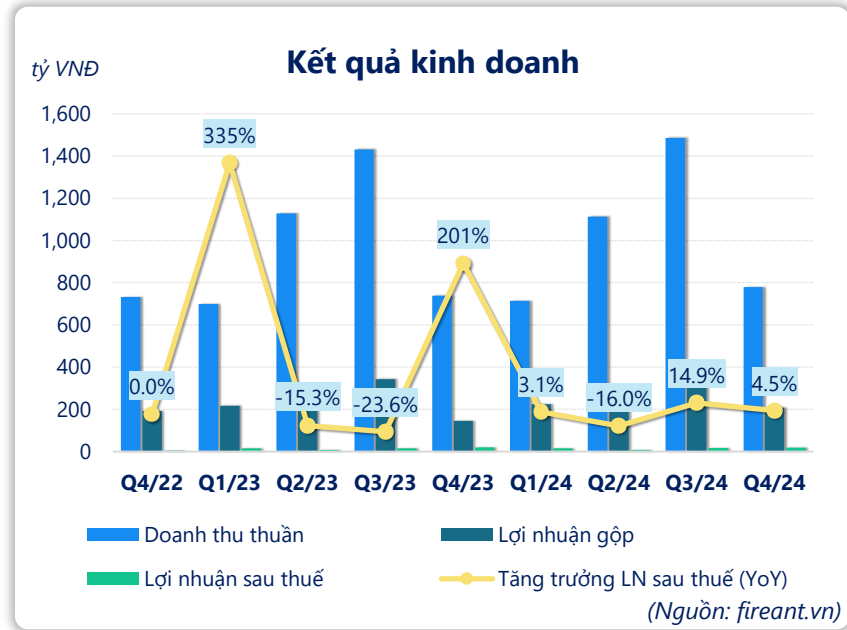


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		34,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,513
SL cổ phiếu LH		12,751,462
KLGD BQ 20 phiên (CP)		444
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		434
P/E		7.6
EPS		4,493

	YTD	1T	3T	6T
FHS		3.0%	3.3%	8.2%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,497	1,419	5.5%
Tài sản ngắn hạn	1,424	1,332	6.9%
Tiền và tương đương tiền	98.0	47.0	108%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	375	435	-13.7%
Phải thu ngắn hạn	139	149	-7.0%
Hàng tồn kho	809	697	16.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.05	3.72	-17.9%
Tài sản dài hạn	72.9	87.1	-16.3%
Phải thu dài hạn	30.8	27.1	13.9%
Tài sản cố định	40.7	44.8	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	13.5	-100%
Tài sản dài hạn khác	1.43	1.80	-20.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,275	1,216	4.8%
Nợ ngắn hạn	1,275	1,216	4.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1,125	1,082	3.9%
Nợ dài hạn	0.60	0.41	48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	203	9.3%
Vốn chủ sở hữu	222	203	9.3%
Vốn điều lệ	128	128	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	739	715	1,113	1,486	780
Giá vốn hàng bán	594	490	850	1,138	572
Lợi nhuận gộp	145	224	263	348	208
Doanh thu HĐTC	9.32	10.3	2.42	8.20	7.20
Chi phí TC	0.04	0.03	0.14	0.01	0.09
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	130	195	225	299	177
Chi phí QLDN	1.61	20.6	32.0	37.6	14.1
LN thuần từ HĐKD	23.2	18.8	8.15	19.9	23.8
Lợi nhuận khác	1.00	0.55	0.61	0.58	0.11
LN trước thuế	24.2	19.4	8.76	20.5	23.9
Lợi nhuận sau thuế	19.2	15.5	7.01	16.4	18.8
LNST của CĐ cty mẹ	19.2	15.4	7.04	15.9	19.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.8	-68.8	60.6	111	-122
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.5	55.7	-21.7	-49.0	108
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-15.3	-7.65	0
Tiền đầu kỳ	65.4	47.0	34.0	57.6	112
Lưu chuyển tiền thuần	-18.3	-13.0	23.6	54.0	-13.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.0	34.0	57.6	112	98.0

(Nguồn: fireant.vn)